

Bình Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2023

Số: 125/2023/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Tổ 22, ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long;

2. Bị đơn: Anh Phạm Lê Minh T, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Tổ 22, ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 07 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 07 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Phạm Lê Minh T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Phạm Lê Minh T đồng ý giao con chung Phạm Lê Kim H, sinh ngày 07/5/2006 cho chị Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Còn Phạm Lê

Kim N1, sinh ngày 06/6/2002 – Đã trưởng thành, nên chị Lê Thị N và anh Phạm Lê Minh T không đặt ra đề giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị N không yêu cầu anh Phạm Lê Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nên không đặt ra đề giải quyết.

Anh Phạm Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Phạm Lê Kim H, sinh ngày 07/5/2006 mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Chị Lê Thị N và anh Phạm Lê Minh T thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2.3. Về nợ phải thu + Nợ phải trả: Chị Lê Thị N và anh Phạm Lê Minh T thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí: Chị Lê Thị N tự nguyện nộp: 150.000^d (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000^d mà chị Lê Thị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001860, ngày 08/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. ($300.000^d - 150.000^d = 150.000^d$). Nên chị Lê Thị N được nhận lại số tiền chênh lệch là: 150.000^d tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 01;
- Chi cục Thi hành án DS thị xã Bình Minh: 01;
- UBND xã Đông Bình, TX Bình Minh;
- Dương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Sương